

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;**Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010;**Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29/11/2005;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa;**Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số nội dung về hoạt động bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng Phát triển) cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các ngân hàng thương mại theo quy định tại Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm Ngân hàng Phát triển, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là doanh nghiệp) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình thực hiện bảo lãnh vay vốn tín dụng theo quy định tại Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg.

Điều 3. Điều kiện để doanh nghiệp được bảo lãnh vay vốn

Điều kiện để doanh nghiệp được bảo lãnh vay vốn thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg.

2. Dự án đầu tư có văn bản chấp thuận cho vay của ngân hàng thương mại và được Ngân hàng Phát triển thẩm định và xác định là dự án có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay.

3. Có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu 15% tổng mức đầu tư của dự án và được đầu tư toàn bộ vào tài sản cố định, nguồn vốn này phải được phản ánh trên báo cáo tài chính tháng hoặc quý gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị bảo lãnh và cam kết sử dụng vào dự án.

4. Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển (nợ xấu gồm các khoản nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5 theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Điều 4. Phạm vi bảo lãnh vay vốn

1. Ngân hàng Phát triển bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ khoản vay của doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại nhưng tối đa không vượt quá 85% tổng mức vốn đầu tư của dự án, không bao gồm vốn lưu động.

2. Bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khoản vay:

a) Nghĩa vụ trả nợ gốc là khoản nợ gốc đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng hoặc theo hợp đồng tín dụng điều chỉnh thuộc phạm vi bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển mà doanh nghiệp không thanh toán hoặc không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ nợ đã cam kết và khoản nợ này đủ điều kiện để Ngân hàng Phát triển trả nợ thay;

b) Nghĩa vụ thanh toán nợ lãi của khoản vay là số lãi phát sinh (không bao gồm lãi phát sinh trên lãi chậm trả) tương ứng với số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng hoặc theo hợp đồng tín dụng điều chỉnh đã ký kết giữa ngân hàng thương mại và doanh nghiệp vay vốn thuộc phạm vi bảo lãnh và được Ngân hàng Phát triển chấp thuận trả nợ thay.

Điều 5. Phí bảo lãnh vay vốn

1. Phí thẩm định hồ sơ, phí bảo lãnh và sử dụng phí bảo lãnh vay vốn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

a) Phí thẩm định hồ sơ được thu một lần khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ đề nghị bảo lãnh vay vốn theo quy định cho Ngân hàng Phát triển và không hoàn lại trong trường hợp không được chấp thuận bảo lãnh;

b) Phí bảo lãnh vay vốn được tính trên số tiền vay (gốc và lãi) được bảo lãnh.

2. Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm hạch toán, quản lý và sử dụng số tiền phí bảo lãnh vay vốn thu được theo quy định.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị bảo lãnh vay vốn

Hồ sơ đề nghị bảo lãnh vay vốn quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Giấy đề nghị bảo lãnh vay vốn do doanh nghiệp lập theo mẫu do Ngân hàng Phát triển quy định.

2. Văn bản chấp thuận cho vay của ngân hàng thương mại.

3. Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ pháp lý chứng minh dự án đã hoàn thành đầy đủ các trình tự thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Các tài liệu liên quan:

a) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập theo quy định pháp luật;

b) Tài liệu liên quan chứng minh doanh nghiệp có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án và được đầu tư toàn bộ vào tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này;

c) Các tài liệu khác có liên quan chứng minh doanh nghiệp có đủ điều kiện được bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Phát triển

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Phát triển được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Một số quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể như sau:

1. Quyền của Ngân hàng Phát triển đối với ngân hàng thương mại:

a) Yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Phát triển nếu có bằng chứng doanh nghiệp vi phạm hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng tín dụng hoặc vi phạm pháp luật;

b) Có ý kiến với ngân hàng thương mại cung cấp các tài liệu liên quan đến việc bảo lãnh vay vốn, trong đó, bao gồm: Quy chế cho vay, quy chế kiểm tra, giám sát vốn vay đối với khách hàng để phối hợp với Ngân hàng Phát triển kiểm tra, giám sát vốn vay theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 16 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg;

c) Khi phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại cung cấp: Hồ sơ chứng minh việc giải ngân vốn vay đúng mục đích (bản sao), các thông tin liên quan đến việc sử dụng và kiểm soát sử dụng vốn vay, vốn chủ sở hữu và tài sản hình thành từ vốn vay; biên bản kiểm tra việc sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay;

d) Các quyền khác theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quyền của Ngân hàng Phát triển đối với doanh nghiệp:

a) Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp tài liệu gồm: Hợp đồng tín dụng, các điều kiện cho vay mà ngân hàng thương mại ký kết với khách hàng (bản sao) và các tài liệu liên quan theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

b) Yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài sản bảo đảm nếu giá trị tài sản bảo đảm sau khi định giá lại theo quy định của pháp luật thấp hơn số dư nợ của khoản vay được bảo lãnh hoặc dư nợ vay bắt buộc;

c) Các quyền khác theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ của Ngân hàng Phát triển đối với ngân hàng thương mại:

a) Thẩm định hồ sơ chứng minh việc giải ngân, kiểm tra sử dụng vốn vay do ngân hàng thương mại cung cấp khi nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ngân hàng Phát triển có văn bản thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thực hiện trả nợ thay cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Phát triển có văn bản thông báo chấp thuận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển thực hiện trả nợ thay cho doanh nghiệp;

b) Có ý kiến bằng văn bản đối với việc điều chỉnh, sửa đổi hợp đồng tín dụng; xem xét việc sửa đổi, điều chỉnh hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh cho phù hợp khi Ngân hàng Phát triển chấp thuận việc điều chỉnh, sửa đổi hợp đồng tín dụng;

c) Bàn giao tài sản bảo đảm và (hoặc) các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm mà doanh nghiệp cầm cố hoặc thế chấp tại Ngân hàng Phát triển cho ngân hàng thương mại trong trường hợp từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển;

d) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của Ngân hàng Phát triển đối với doanh nghiệp:

a) Thẩm định về hồ sơ đề nghị bảo lãnh vay vốn của doanh nghiệp. Trường hợp không chấp thuận bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển có ý kiến bằng văn bản gửi doanh nghiệp. Trường hợp chấp thuận, Ngân hàng Phát triển ký hợp đồng bảo lãnh với doanh nghiệp và các bên liên quan (nếu có); phát hành chứng thư bảo lãnh trên cơ sở hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng thương mại và khách hàng;

b) Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh khi doanh nghiệp không trả hoặc không trả được hoặc trả không đầy đủ, đúng hạn nợ vay đã cam kết với ngân hàng thương mại theo đúng quy định tại Thông tư này;

c) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng thương mại

Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Một số quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể như sau:

1. Quyền của ngân hàng thương mại:

a) Yêu cầu Ngân hàng Phát triển cung cấp các quy chế liên quan đến bảo lãnh tín dụng;

b) Yêu cầu Ngân hàng Phát triển thực hiện nghĩa vụ theo chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác có liên quan;

c) Yêu cầu Ngân hàng Phát triển chuyển giao quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm bảo lãnh trong trường hợp Ngân hàng Phát triển từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;

d) Yêu cầu Ngân hàng Phát triển có ý kiến bằng văn bản đối với việc sửa đổi hợp đồng tín dụng;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của ngân hàng thương mại:

a) Cung cấp các tài liệu cho Ngân hàng Phát triển theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

b) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cho vay tại quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và quy trình nghiệp vụ của ngân hàng thương mại đối với các khoản cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển (bao gồm cả khâu thẩm định hồ sơ vay vốn;